

**Đầu nối khí**  
**NPQP-D-Q4-S8-FD-P10**  
Số bộ phận: 133134

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                 |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                              |
| Chiều rộng định mức                             | 2.4 mm                                                                  |
| Thiết kế                                        | dạng thẳng                                                              |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                      |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...0.45 MPA<br>-0.95 bar...4.5 bar<br>-13.775 psi...65.25 psi |
| Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ         | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi       |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                    |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                                       |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                      |
| Phù hợp với thực phẩm                           | xem thông tin tài liệu bổ xung                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -20 °C...60 °C                                                          |
| trọng lượng sản phẩm                            | 3 g                                                                     |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ổng bọc cấm Ø 8 mm                                                      |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                        |
| Màu vòng nhả                                    | màu trắng trong suốt                                                    |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                           |
| Vật liệu vỏ                                     | PP                                                                      |
| Đoạn kẹp ống vật liệu                           | thép không gỉ hợp kim cao                                               |